

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/DS-ST**
Ngày 19-01-2022
V/v tranh chấp “Tiền hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Đại diện theo ủy quyền ông Vũ Ngọc H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp 9, xã N, huyện U, tỉnh C ..

Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm: 1963.

Ông Dương Văn N, sinh năm: 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C ..

(Ông H, bà L có mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng bà L, ông N có làm chủ hội, sau khi hội mãn thì không giao tiền hội do đó ông yêu cầu bà Dương Thị L và ông Dương Văn N trả số tiền hội còn thiếu là 89.200.000 đồng (dây hội mở ngày 15/02/2019 âm lịch loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 27 chân), số tiền hội sau khi hốt là 100.000.000 đồng, trừ số tiền còn 2.000.000 đồng, trừ tiền hội chết là 8.800.000 đồng còn thiếu lại 89.200.000 đồng.

tại phiên tòa, ông Vũ Ngọc H trình bày: Ông với ông T là anh em rể dây hội ông T tham gia có 04 chân, hai chân của ông T, hai chân còn lại của ông, ông T đã hốt hai chân còn hai chân hội đã mãn chưa giao, do anh T đứng tên trong dây hội nên anh T ủy quyền cho ông tham gia kiện, ông yêu cầu vợ chồng bà L, ông N cùng có nghĩa vụ trả số tiền hội còn thiếu do khi làm hội thì để tên vợ 3 Nghệ.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị L trình bày: Số tiền hội bà còn thiếu Thương là đúng theo đơn khởi kiện còn thiếu lại 02 chân của dây hội 2.000.000 đồng, do các hội viên khác không đóng tiền hội cho bà nên bà không có khả năng trả 1 lần cho Thương, bà yêu cầu cho bà được trả từng lần mỗi tháng 2.000.000 đồng. việc bà làm hội thì chồng bà không biết nên bà đồng ý trả tiền hội còn thiếu theo từng tháng như đã nêu.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 04/01/2022 ông Dương Văn N trình bày: Vợ ông là Dương Thị L có làm chủ hội, ông T có tham gia hội nhưng trong dây hội nào thì ông không biết. Tòa án mời ông với tư cách là bị đơn trong vụ án ông không có ý kiến và không có yêu cầu vì ông không tham gia vào việc vợ ông làm chủ hội. ông đồng ý để vợ ông toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Dương Thị L và ông Dương Văn N trả tiền hội, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Dương Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Văn N.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Dương Thị L và ông Dương Văn N trả số nợ hội là 89.200.000 đồng. Xét thấy, bà L thừa nhận có làm chủ hội và còn thiếu tiền hội của ông T theo đơn khởi kiện nên ông T yêu cầu trả tiền hội còn thiếu là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới, bà L cho rằng ông N không biết việc bà làm chủ hội nên không đồng ý để ông N cùng có nghĩa vụ trả nợ hội, xét thấy nợ phát sinh trong thời kì hôn nhân giữa bà L và ông N nên cần buộc vợ chồng cùng có nghĩa

vụ trả nợ còn thiếu. Từ đó, buộc bà Dương Thị L và ông Dương Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T tiền hui còn thiếu là 89.200.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị L và ông Dương Văn N phải chịu án phí là 89.200.000 đồng x 5% = 4.460.000đồng. Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 144; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 30 **Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường.**

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc đòi tiền hui đối với bà Dương Thị L và ông Dương Văn N.

Buộc bà Dương Thị L và ông Dương Văn N trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền hui còn thiếu là 89.200.000 (Tám mươi chín triệu hai trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T hoàn trả tạm ứng án phí ông T đã nộp số tiền 2.230.000 (Hai triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006302 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Bà Dương Thị L và ông Dương Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.460.000 (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng